

-(으)ㄴ/는 바에야

đã đến nước này thì thà...

Chấp nhận rằng tình huống đã được định đoạt và rút ra một kết luận dứt khoát từ đó. Gần giống -느니, nhưng xuất phát từ một sự thật chứ không phải một phép so sánh.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Dạng phổ biến nhất	-(으)ㄴ 바에야	하다 → 할 바에야
Tình huống đã hoàn tất	-(으)ㄴ 바에야	시작한 바에야
Biến thể tương đương	-(으)ㄴ 바에는	할 바에는
Từ thường đi kèm	이왕, 기왕	이왕 할 바에야
Mệnh đề sau	kết luận dứt khoát	제대로 하자
Cấu trúc khác	-(으)ㄴ/는 바	아는 바가 없다

Khi nào dùng

Dạng phổ biến nhất là -(으)ㄴ 바에야, được tạo từ dạng rút gọn của ㄹ. Dạng hoàn tất -(으)ㄴ 바에야 cũng xuất hiện. 바 là danh từ và cần khoảng cách. Biến thể 바에는 cũng đúng như vậy.

Mệnh đề đầu nêu một tình huống bạn không thể thay đổi; mệnh đề sau rút ra kết luận dứt khoát, thường là điều gì đó quyết liệt: 이왕 할 바에야 제대로 하자.

Trạng từ 이왕 hoặc 기왕 rất thường dẫn nhập nó — “đằng nào cũng đã đến nước này rồi”.

Đừng nhầm với -(으)ㄴ/는 바, một danh từ hình thức trang trọng có nghĩa là “điều mà”. 에야 biến nó thành một điều kiện.

Ví dụ trong câu

- 1 **이왕 할 바에야 제대로 합시다.**
Đã làm thì làm cho đàng hoàng.
- 2 **기다릴 바에야 차라리 걸어가는 편이 낫겠다.**
Thà đi bộ còn hơn phải đợi.
- 3 **이렇게 살 바에야 처음부터 다시 시작하겠다.**
Nếu đã thế này thì thà làm lại từ đầu còn hơn.
- 4 **이미 시작한 바에야 끝까지 가 봐야지요.**
Đã bắt đầu rồi thì cứ làm đến cùng.
- 5 **기왕 만들 바에야 좋은 재료를 쓰시다.**
Đằng nào cũng làm thì hãy dùng nguyên liệu tốt.
- 6 **사과할 바에야 애초에 그러지 말았어야 했다.**
Nếu đã phải xin lỗi thì ngay từ đầu đừng làm thế.

So sánh với

-느니
-느니 cân nhắc trực tiếp hai lựa chọn; -(으)ㄴ 바에야 xuất phát từ một tình huống đã được chấp nhận rồi mới kết luận. Thường có thể thay thế cho nhau.
기다리느니 겠겠다. / 기다릴 바에야 겠겠다.

-(으)ㄴ/는 이상
이상 lấy một sự thật đã định và nêu nghĩa vụ; 바에야 lấy một sự thật đã định và nêu sự lựa chọn hoặc quyết tâm.
시작한 이상 끝내야 한다. (phải) / 시작한 바에야 끝까지 가 보자. (thì cứ)

-(으)ㄴ/는 바
Cùng danh từ, chức năng không liên quan. 바 đứng một mình là đuôi danh từ hóa trang trọng; 바에야 là từ nối điều kiện.
아는 바가 없다. (tôi không biết gì) / 할 바에야 제대로 하자. (đã làm thì)

Lưu ý

- ✗ 이왕 할 바에야 날씨가 좋네요.**
○ 이왕 할 바에야 제대로 합시다.
Mệnh đề sau phải rút ra kết luận từ tình huống. Một nhận xét không liên quan sẽ khiến câu bị lủng.
- ✗ 기왕 만들 바에야 좋은 재료를 씁시다.**
○ 기왕 만들 바에야 좋은 재료를 쓰시다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이다.
- ✗ 제가 아는 바에야 그런 계획은 없습니다.**
○ 제가 아는 바로는 그런 계획은 없습니다.
Để nói “theo như tôi biết”, dạng đúng là 아는 바로는. 바에야 là một điều kiện.